

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 14-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đoàn Đ; sinh năm 1988 tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường Nguyễn C, phường B, thành phố T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn V (sống) và bà Nguyễn T (sống); chưa có vợ con; tiền án: ngày 19/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/3/2011 bị Công an phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 07/11/2011 bị Ủy ban nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An ra Quyết định về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 12 tháng. Ngày 06/02/2013 bị Ủy ban nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2019 đến ngày 15/01/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Tập đoàn B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị hại Tập đoàn B là ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: đường Võ C, phường M, thành phố T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền số 82/GUQ-VNPT LAN ngày 17/01/2019. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đoàn Thị T; sinh năm: 1990; nơi cư trú: đường Nguyễn C, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn L; sinh năm: 1988; nơi cư trú: đường Q, phường H, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đoàn Đ là đối tượng có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 12/01/2019 bị cáo Đoàn Đ mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 62B1-327.13 của bà Đoàn Thị T đến chợ C, phường S, thành phố T, tỉnh Long An để rước đối tượng tên T (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) vì cả hai có hẹn trước cùng đi tìm tài sản trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo Đoàn Đ chở đối tượng T chạy vòng vòng để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến đường số N, khu dân cư T, phường S, thành phố T, tỉnh Long An thì T phát hiện trên lề đường bên phải có 01 bộ nắp hầm cáp viễn thông, T kêu bị cáo Đ dừng xe lại. Sau đó T xuống xe, lén lút lấy bộ nắp hầm cáp viễn thông mang lên xe để phía sau chỗ ngồi của bị cáo Đ. Sau đó, bị cáo Đ chở T cùng tài sản trộm được ra đường tránh về hướng phường N, thành phố T, tỉnh Long An tìm chỗ tiêu thụ. Khi cả hai vừa đến Công viên tượng đài Long An thì bị người dân phát hiện truy đuổi, trình báo công an phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An thì tên T nhảy xuống xe chạy tẩu thoát, còn bị cáo Đ bị bắt giữ cùng vật chứng. Tại Cơ quan điều tra bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng trong vụ án gồm:

- 02 nắp (01 bộ nắp) hầm cáp viễn thông.

- 01 xe mô tô biển số 62B1-327.13.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐG ngày 12/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An kết luận giá trị tài sản như sau: 01 bộ nắp hầm cáp viễn thông, loại gang có kích thước 800 x 700mm trị giá 1.400.000đ, thuộc sở hữu của Tập đoàn B. Ngày 28/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Tân An, tỉnh Long An đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với bà Đoàn Thị T đã cho bị cáo Đ mượn xe mô tô biển số 62B1-327.13, bà T không biết bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội, nên ngày 28/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bà T.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 23/QĐ-VKSTA-HS ngày 31/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Đoàn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Đoàn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An truy tố tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 23/QĐ-VKSTA-HS ngày 31/01/2019. Cụ thể: Truy tố: Về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Đoàn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào điểm b khoản 1, Điều 173; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Đ từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Bị cáo Đoàn Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, quyết định truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo biết lỗi và rất hối hận, xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; tội phạm bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An và Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố và Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn là có căn cứ theo quy định tại các điều 456, 462 và 463 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, không có mâu thuẫn.

Qua lời khai nhận hành vi của bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo được xét hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo như sau: Bị cáo Đoàn Đ không có nghề nghiệp, do muốn có tiền để tiêu xài nên vào ngày 12/01/2019, tại đường số 5, khu dân cư T, phường S, thành phố T, tỉnh Long An, bị cáo đã lén lút trộm cắp lấy bộ nắp hầm cáp viễn thông của T trị giá 1.400.000đ. Với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Đoàn Đ thực hiện là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, mặc dù tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo Đoàn Đ theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan, xét nên chấp nhận.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, bị cáo có đủ sức khỏe lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tài sản để tiêu xài theo sự ham muốn cá nhân của mình, nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội. Trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thể hiện tính nghiêm

minh của pháp luật. Đối với bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm mặc dù không xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đồng thời bị cáo có nhân thân xấu vì đã bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền 750.000đ và nhiều lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mặc dù đã hết thời gian bị coi là có tiền sự nhưng không chịu sửa chữa khắc phục mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tài sản đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại cũng được xem thêm là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Thế nên, đối với bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với bà Đoàn Thị T đã cho bị cáo Đ mượn xe mô tô biển số 62B1-327.13, bà T không biết bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bà T là phù hợp, nên không đề cập đến.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xét.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, Điều 173; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các điều 456, 462 và 463 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2019.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đoàn Đ với thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Đ phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

